

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-6-2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Hùng Dũng

2. Ông Trần Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 121/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Danh Thị Cẩm T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp GĐ, xã BT, huyện GR, tỉnh KG “vắng mặt”

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hoài T, sinh năm 1990. Địa chỉ: 134/17 ấp 2, xã TP, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 19/02/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Danh Thị Cẩm T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh T xác lập hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị T xin ly hôn. Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con

chung tên Phạm Thị Quỳnh N sinh ngày 30/11/2011 và Phạm Nhật H sinh ngày 04/10/2016. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh, chị xác định không có.

Bị đơn anh Phạm Hoài T được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Vụ kiện không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị T, anh T vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Danh Thị Cẩm T đối với anh Phạm Hoài T. Cho chị T ly hôn với anh T. Con chung: Giao cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T là nguyên đơn được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Lý do xin vắng mặt do chị đi làm tại địa chỉ số 294, Quốc lộ 22, ấp TĐ, xã TTH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện giãn cách xã hội do tình hình dịch bệnh nên chị không tham gia phiên tòa được. Anh T là bị đơn được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T xác lập hôn nhân năm 2010 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt, không có văn bản hay ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị T. Qua xác minh tại địa phương được biết anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T không chăm lo cho gia đình cho cuộc sống chung của vợ chồng, vợ chồng nhiều lần tìm biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả, anh chị sống ly thân từ nhiều năm nay. Xét thấy, hôn nhân giữ chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị T đối với anh T

[2.2] Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 chung. Chị T yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T không có ý kiến hay tranh chấp quyền nuôi con nên giao con chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Danh Thị Cẩm T và anh Phạm Hoài T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thị Quỳnh N sinh ngày 30/11/2011 và Phạm Nhựt H sinh ngày 04/10/2016 cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Danh Thị Cẩm T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 013613 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn